TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 6 năm 2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Mỹ Huyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Phạm Văn Tài**;

2/ Ông **Nguyễn Tiến Dũng**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trương Thị Thảo Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Võ Văn T**, sinh năm: 1968 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện TB, tỉnh TN.

- **Bị đơn**: Bà **Châu Ngọc H**, sinh năm: 1963 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); địa chỉ: Số nhà a, ấp T, xã H, huyện HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2018 của nguyên đơn – ông Võ Văn T và trong quá trình giải quyết vụ án, ông T trình bày thể hiện như sau:

Ông T và bà Châu Ngọc H chung sống với nhau từ năm 1990, hôn nhân do tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống do vợ chồng không phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân từ năm 1992 đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Châu Thị Hồng V, sinh năm 1991; ngoài ra, vợ ông là bà H còn có 02 người con riêng với chồng trước (đã chết) là Châu

Văn P, sinh năm 1983 và Châu Thị Hồng P, sinh năm 1986 nhưng khi ông T chung sống như vợ chồng với bà H thì ông đứng tên làm giấy khai sinh cho Châu Văn P và Châu Thị Hồng P. Do các người con đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên ông T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – bà Châu Ngọc H, trong quá trình giải quyết vụ án bà H trình bày thể hiện như sau:

Bà H thống nhất với lời trình bày của ông T về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân từ năm 1992 đến nay. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà H cũng đồng ý.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Châu Thị Hồng V, sinh năm 1991; ngoài ra, bà H còn có 02 người con riêng với chồng trước (đã chết) là Châu Văn P, sinh năm 1983 và Châu Thị Hồng P, sinh năm 1986 nhưng khi ông T chung sống như vợ chồng với bà thì ông T đứng tên làm giấy khai sinh cho Châu Văn P và Châu Thị Hồng P. Do các người con đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên bà H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành:***

Về thủ tục tố tụng trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và trình tự tiến hành phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T đối với bà H, do ông bà không có đăng ký kết hôn nên không công nhận ông T và bà H là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[**1**] Về thủ tụng tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Võ Văn T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh giải quyết việc ly hôn của ông; bà Châu Ngọc H có địa chỉ thường trú tại số nhà a, ấp T, xã H, huyện HT, tỉnh TN là đúng theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Ông T, bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà H là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[**2**] Về nội dung vụ án:

Ông T và bà H tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên việc chung sống của ông bà không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về con: Có 01 người con chung tên Châu Thị Hồng V, sinh năm 1991 và 02 người con riêng Châu Văn P, sinh năm 1983 và Châu Thị Hồng P, sinh năm 1986. Do các người con đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T, bà H không yêu cầu giải quyết.

[**3**] Theo ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[**4**] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, Điều14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố không công nhận ông Võ Văn T và bà Châu Ngọc H là vợ chồng.

- Về con: Có 01 người con chung tên Châu Thị Hồng V, sinh năm 1991 và 02 người con riêng Châu Văn P, sinh năm 1983 và Châu Thị Hồng P, sinh năm 1986. Do các người con đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà H không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019756 ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ông T đã nộp xong án phí.

Báo cho ông T và bà H biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

DƯƠNG MỸ HUYỀN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THA DS huyện Hòa Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ (H).